

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 23/7/2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Vạn;

2. Bà Đồng Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 245/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1978, (vắng mặt);

Chị Hồ Thị Ánh L1, sinh năm 1982, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 05/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:**

Vào năm 2023, anh N có tham gia góp 02 dây hụi do anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Dây hụi 2.000.000 đồng, khai hụi vào ngày 11/3/2023 (20/02/2023 âm lịch), mỗi tháng khai hụi một lần, dây hụi gồm có 27 phần, anh N tham gia chơi 02 phần hụi. Hình thức chơi hụi là đến ngày khai hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn nếu hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi lần khai

hụi phải đóng tiền hụi chết là 2.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh L, chị Lua là 1.000.000 đồng. Dây hụi này anh N đã đóng tiền hụi sống cho anh L, chị L1 16 lần hụi thì sau đó anh L, chị L1 ngưng hụi. Dây hụi này anh L, chị L1 thiếu anh số tiền hụi là 64.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Dây hụi 2.000.000 đồng, khai hụi vào ngày 11/8/2023 (25/6/2023 âm lịch), mỗi tháng khai hụi một lần, dây hụi gồm có 22 phần, anh N tham gia chơi 02 phần hụi. Hình thức chơi hụi là đến ngày khai hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn nếu hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi lần khai hụi phải đóng tiền hụi chết là 2.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh L, chị Lua là 1.000.000 đồng. Dây hụi này anh N đã hốt 01 phần hụi, còn 01 phần hụi sống thì anh N đã đóng tiền hụi cho anh L, chị L1 được 10 lần thì sau đó anh L, chị L1 ngưng hụi. Dây hụi này anh L, chị L1 thiếu anh số tiền hụi là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi trên, anh L, chị L1 còn nợ anh số tiền là 84.000.000 đồng. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh L, chị L1 trả cho anh số tiền này nhưng anh L, chị L1 hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Nay anh yêu cầu anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 liên đới trả cho anh N số tiền góp hụi là 84.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, anh N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Anh đồng ý trừ tiền huê hồng của 02 dây hụi trên cho anh L, chị L1 với số tiền là 3.000.000 đồng nên anh yêu cầu anh L, chị L1 liên đới trả cho anh số tiền nợ hụi là 81.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N cung cấp các giấy xác nhận của các hụi viên gồm: Chị Huỳnh Thị Thu C, chị Đoàn Thị L2, chị Võ Thị M.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh L, chị L1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh L, chị L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh N thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý trừ tiền huê hồng của 02 dây hụi trên cho đầu thảo hụi là 3.000.000 đồng nên số tiền hụi mà anh N yêu cầu anh L, chị L1 trả cho anh là 81.000.000 đồng. Căn cứ Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh N không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh N yêu cầu bị đơn anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 trả số tiền hụi là 81.000.000 đồng, anh L, chị L1 có địa chỉ tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi giữa anh N với anh L, chị L1 có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi anh N là hụi viên tham gia chơi hụi do vợ chồng anh L, chị L1 làm chủ hụi. Anh N đã góp các phần hụi đầy đủ nhưng anh L, chị L1 ngưng không khai hụi và tuyên bố vỡ hụi. Tại các giấy xác nhận của những hụi viên cùng tham gia hợp đồng góp hụi với anh L, chị L1 đều xác nhận việc anh N có tham gia góp 02 dây hụi do anh L, chị L1 làm đầu thảo và anh N vẫn là hụi viên chưa hốt hụi, cụ thể:

- Chị Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp P, xã V, tỉnh Đồng Tháp); Chị Đoàn Thị L2, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp) xác nhận anh N có tham gia chơi dây hụi 2.000.000 đồng, khai hụi vào ngày 11/3/2023 (20/02/2023 âm lịch), mỗi tháng khai hụi một lần, dây hụi gồm có 27 phần, anh N tham gia 02 phần hụi và đã đóng được 16 lần hụi sống thì anh L, chị L1 tự ngưng hụi, hiện anh N vẫn là hụi viên còn sống chưa hốt hụi.

- Chị Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp P, xã V, tỉnh Đồng Tháp); Chị Võ Thị M, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp) xác nhận anh N có tham gia chơi dây hụi 2.000.000 đồng, khai hụi vào ngày 11/8/2023 (25/6/2023 âm lịch), mỗi tháng khai hụi một lần, dây hụi gồm có 22 phần, anh N tham gia 02 phần hụi, hiện anh N đã hốt 01 phần hụi còn 01 phần hụi sống, anh N đã đóng được 10 lần hụi thì anh L, chị L1 tự ngưng hụi, hiện anh N vẫn là hụi viên còn sống chưa hốt hụi.

Như vậy, các xác nhận trên đều phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian diễn ra các dây hội, kỳ mở hội, giá trị mỗi phần hội, số các hội viên tham gia, các phần hội mà nguyên đơn tham gia. Đến thời điểm anh L, chị L1 ngưng hội thì anh N vẫn là hội viên chưa hết hội và đã thực hiện việc đóng các kỳ hội cho anh L, chị L1. Từ đó, cho thấy anh L, chị L1 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Trong giao dịch góp hội nói trên, anh N là hội viên đã thực hiện góp hội theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, tuy nhiên anh L, chị L1 chủ hội không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hội cho hội viên khi tuyên bố ngưng hội là vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, anh N yêu cầu anh L, chị L1 hoàn trả lại số tiền đã góp hội là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L, chị L1 hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh L, chị L1 không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc anh L, chị L1 phải liên đới trả cho anh N số tiền hội là 81.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

1. Buộc anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 phải liên đới trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền nợ hui là 81.000.000 đ (T mươi một triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Phan Văn L và chị Hồ Thị Ánh L1 phải chịu 4.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho anh Nguyễn Văn N số tiền 2.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003341 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Nhanh

